

Số: 08/QĐ-THCSCBQ

Gia lâm, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách
6 tháng cuối năm 2023 của trường THCS Cao Bá Quát**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS CAO BÁ QUÁT

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND Huyện Đặng Xá về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế- xã hội và dự toán thu - chi NSNN năm 2023 của huyện Đặng Xá;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc phân bổ, giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 về việc cắt giảm, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang chi chi thường xuyên giao tự chủ năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023;

Căn cứ vào Quy định công khai tài chính của trường THCS Cao Bá Quát
Theo đề nghị của bộ phận Tài vụ trường THCS Cao Bá Quát.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 của trường THCS Cao Bá Quát.

(theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Cao Bá Quát thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.



Trần Minh Mạnh

Gia lâm, ngày 10 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ.

Trường THCS Cao Bá Quát công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi NS 6T cuối năm/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6T CN/2023	Ước thực hiện/Dự toán 6T CN/2023 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6T CN/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	3,756,190,000	1,798,890,000	47.89%	119%
1	Lệ phí	1,148,200,000	548,800,000	47.80%	141%
	Thu học phí theo quy định	1,148,200,000	548,800,000	47.80%	141%
	Ngân sách hỗ trợ		227,550,000	#DIV/0!	
2	Phí	2,607,990,000	1,250,090,000	47.93%	111%
	Thu học buổi 2/ngày	873,750,000	457,350,000	52.34%	131%
	Thu dạy thêm, học thêm	1,254,240,000	563,760,000	44.95%	106%
	Thu chăm sóc bán trú	480,000,000	228,980,000	47.70%	91%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3,756,190,000	2,038,844,648	54.28%	160%
1	Chi sự nghiệp.....	3,756,190,000	2,038,844,648	54.28%	160%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,756,190,000	2,038,844,648	54.28%	160%
	Chi học phí theo quy định	1,148,200,000	726,372,587	63.26%	358%
	Chi học buổi 2/ngày	873,750,000	422,005,876	48.30%	135%
	Chi dạy thêm, học thêm	1,254,240,000	661,486,335	52.74%	131%
	Chi chăm sóc bán trú	480,000,000	228,979,850	47.70%	91%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,479,930,000	6,280,663,087	66.25%	124%
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,479,930,000	6,280,663,087	66.25%	124%
1	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6T CN/2023	Ước thực hiện/Dự toán 6T CN/2023 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6T CN/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Căn cứ Quyết định số 6259/QĐ-UBND ngày 30/09/2022 của UBND huyện Gia Lâm. Về việc dự toán điều chỉnh giảm theo Nghị định số 60/202/NĐ-CP ngày 21/01/2022				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Căn cứ Quyết định số 5795/QĐ-UBND ngày 06/09/2022 của UBND huyện Gia Lâm. Về việc phân bổ, giao kinh phí chi thường xuyên năm 2022;				
	Căn cứ Quyết định số 8456/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Gia Lâm. Về việc điều chỉnh và giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022;				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,479,930,000	6,280,663,087	66.25%	124%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9,246,380,000	6,053,113,087	65.46%	119%
	KP tiết kiệm 10% CCTL				
	Chi thanh toán cá nhân	4,821,932,000	2,738,660,957	56.80%	109%
	Trợ cấp, chè nước CBCC	563,600,000	3,767,240	0.67%	#DIV/0!
	Thanh toán dịch vụ công cộng	416,000,000	321,589,295	77.31%	158%
	Vật tư văn phòng	622,920,000	325,455,000	52.25%	158%
	Thông tin liên lạc	320,400,000	77,304,727	24.13%	91%
	Công tác phí	24,000,000	12,000,000	50.00%	100%
	Thuê mướn	60,000,000	157,124,740	261.87%	169%
	Sửa chữa TX TSCĐ	817,385,000	142,900,000	17.48%	265%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1,050,143,000	204,141,000	19.44%	54%
	Mua sắm TSCĐ	475,000,000	0	0.00%	0%
	Chi khác	75,000,000	46,764,000	62.35%	2126%
	Chi trích lập quỹ PL+KT		2,023,406,128	#DIV/0!	135%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	233,550,000	227,550,000	97.43%	
*	Nguồn không thường xuyên	233,550,000	227,550,000	97.43%	
	Thanh toán cá nhân				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Chi phí thuê mướn				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	233,550,000	227,550,000	97.43%	
	Chi mua sắm, sửa chữa				
*	Cải cách tiền lương không tự chủ				
	Thanh toán cá nhân				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6T CN/2023	Ước thực hiện/Dự toán 6T CN/2023 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6T CN/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 01 năm 2024

Chủ trương đơn vị



Trần Minh Mạnh